

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2014

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Hồ Minh Sơn	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	Ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300585984, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38 294 513
- Fax : 08 38 293 586

Tổng Công ty có Chi nhánh Hà Nội đặt tại địa chỉ Số 8 đường Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu. Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng cho nhiệm vụ của Tổng Công ty;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật. Chi tiết: Sản xuất dầu mỡ động thực vật, tinh dầu và các sản phẩm từ cây có dầu; Sản xuất diesel sinh học (biodiesel) (không sản xuất tại cơ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa than gáo dừa (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự. Chi tiết: Chế biến lương thực, thực phẩm (xay sát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất bia (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Sản xuất bao bì bằng gỗ. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản) (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hóa khác. Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 50
8. Phụ lục	51 - 54

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Kim Thành
Chủ tịch

Ngày 11 tháng 8 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0781/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 22 tháng 4 năm 2016 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc Tổng Công ty phân bổ lợi thế kinh doanh với thời hạn là 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần). Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính thì lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 03 năm.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.796.644.909.973	1.675.955.616.616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	443.849.550.822	212.671.695.457
1. Tiền	111		249.956.783.786	124.511.640.084
2. Các khoản tương đương tiền	112		193.892.767.036	88.160.055.373
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		255.770.949.182	257.826.954.422
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.826.954.422
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	255.770.949.182	255.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		274.501.002.793	261.557.564.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	213.988.388.465	137.700.726.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	13.217.702.091	3.750.367.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	53.164.683.502	124.654.379.319
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.015.252.948)	(5.642.232.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		145.481.683	1.094.322.754
IV. Hàng tồn kho	140		757.988.059.702	866.189.245.286
1. Hàng tồn kho	141	V.7	767.830.210.153	878.753.528.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(9.842.150.451)	(12.564.283.711)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.535.347.474	77.710.157.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.623.304.954	2.010.490.576
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.592.449.398	59.518.050.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	16.319.593.122	16.181.616.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.637.312.985.611	1.375.802.748.357
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.000.000	135.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		135.000.000	135.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		466.062.642.225	397.909.478.867
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	440.151.425.977	377.144.634.216
- Nguyên giá	222		1.083.008.346.505	896.897.821.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(642.856.920.528)	(519.753.187.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.911.216.248	20.764.844.651
- Nguyên giá	228		46.122.395.888	38.150.965.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.211.179.640)	(17.386.120.727)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	183.768.836	261.360.122
- Nguyên giá	231		2.178.001.042	2.178.001.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.994.232.206)	(1.916.640.920)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		181.628.731.843	2.400.228.663
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	181.628.731.843	2.400.228.663
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		922.925.404.753	946.799.744.106
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	922.925.404.753	946.799.744.106
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.377.437.954	28.296.936.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	60.202.505.090	26.856.920.456
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13a	4.068.964.202	1.440.016.143
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		2.105.968.662	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.433.957.895.584	3.051.758.364.973

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.812.798.604.672	1.645.966.670.673
I. Nợ ngắn hạn	310		1.659.941.388.835	1.631.980.857.130
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	122.308.009.118	259.581.804.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	12.318.051.009	13.657.525.185
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.129.725.678	6.026.110.360
4. Phải trả người lao động	314	V.17	24.240.758.875	40.453.562.350
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	20.526.997.895	7.921.020.868
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	352.832.616.213	277.642.616.706
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.107.427.893.966	1.007.635.306.241
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	13.157.336.081	19.062.911.058
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		152.857.215.837	13.985.813.543
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	307.309.400	218.309.400
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	152.549.906.437	13.473.554.982
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	293.949.161
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.621.159.290.912	1.405.791.694.300
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.621.159.290.912	1.405.791.694.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(222.395.924.883)	(222.284.603.416)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	8.714.835.359	424.644.557
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	318.100.089.628	196.810.129.054
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		119.113.989.742	196.810.129.054
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		198.986.099.886	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	298.740.290.808	212.841.524.105
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.433.957.895.584	3.051.758.364.973

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016


 Nguyễn Phương Minh
 Người lập biểu


 Hồ Minh Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Xuân Liễu
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.556.036.235.839	2.401.670.904.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.533.210.693	1.366.100.747
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.554.503.025.146	2.400.304.803.699
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.279.207.132.684	2.151.853.883.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.295.892.462	248.450.920.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	26.114.716.901	68.275.766.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.227.760.427	24.341.047.773
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.611.028.428	16.381.526.198
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	107.122.688.739	155.167.000.119
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	126.479.730.227	135.848.216.925
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	56.331.837.513	57.743.107.030
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		223.493.969.935	253.961.315.039
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.270.503.761	2.473.972.371
13. Chi phí khác	32		270.330.572	332.114.555
14. Lợi nhuận khác	40		1.000.173.189	2.141.857.816
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		224.494.143.124	256.103.172.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	9.497.519.484	9.100.202.509
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(2.334.998.898)	1.538.000.522
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.331.622.538	245.464.969.824
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		198.986.099.886	226.717.954.616
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.345.522.652	18.747.015.208
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	1.512	1.838
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	1.512	1.838



Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



 Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



 Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		224.494.143.124	256.103.172.855
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,12	31.865.302.622	28.939.311.288
- Các khoản dự phòng	03		(72.537.759.191)	20.357.695.657
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16.189.360	13.527.538
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(11.415.046.047)	(222.145.422.692)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	21.611.028.428	16.381.526.198
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194.033.858.296	99.649.810.844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.440.653.518)	288.607.378.173
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		124.606.101.061	276.785.353.407
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(109.513.228.932)	(244.573.905.713)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.882.962.236)	(109.826.439)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.547.448.701)	(17.000.683.875)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(11.164.561.882)	(16.819.478.549)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	313.730.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.736.213.536)	(3.548.570.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.354.890.552	383.303.807.801
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.012.527.191)	(9.367.101.582)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(235.770.949.182)	(188.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		235.000.000.000	10.749.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.217.508.927	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		56.815.468.965	114.567.816.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		64.249.501.519	(72.550.285.389)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	2.569.475.996.446	1.896.591.030.041
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(2.432.111.862.541)	(2.427.969.900.706)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.778.532.000)	(25.801.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>114.585.601.905</i>	<i>(557.179.870.665)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>231.189.993.976</i>	<i>(246.426.348.253)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>212.671.695.457</i>	<i>641.385.260.529</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(12.138.611)	371.297
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	V.1	<i>443.849.550.822</i>	<i>394.959.283.573</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: sản xuất dầu, mỡ động, thực vật và kinh doanh dầu mỡ động thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 01 tháng 6 năm 2016 Tập đoàn đã mua thêm 2,4% cổ phần của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật với giá mua là 3.846.912.000 VND, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại Công ty này lên 46,56% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,05% (trong đó: quyền biểu quyết trực tiếp là 46,56%, gián tiếp là 4,49%). Mục đích của mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật là để kiểm soát Công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo kết quả kinh doanh tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật.

Thoái đầu tư nhưng không mất quyền kiểm soát

Trong kỳ Tập đoàn đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Trích ly Dầu thực vật thành Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 02 năm 2016. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đã chấp thuận thông qua việc điều chỉnh giảm vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật từ 71.600.000.000 VND xuống còn 21.600.000.000 VND theo Nghị quyết số 17/NQ-HDQT ngày 04 tháng 2 năm 2016. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ⁽ⁱ⁾	Số 48/5 đường Phan Huy Ích, 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	51,87%	51,87%	51,87%	51,87%
Công ty TNHH Trich ly Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ⁽ⁱⁱ⁾	Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.	51,05%	48,65%	51,05%	48,65%

(i) Tổng Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An và 0,87% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Trich ly Dầu thực vật.

(ii) Tổng Công ty nắm giữ 46,56% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật và 4,49% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Số 370, Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	49%	49%	49%	49%
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Khu Công nghiệp Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	24%	24%	24%	24%
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina	KCN Nhơn Trạch 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm	40%	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Số 889 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	17,84%	17,84%	17,84%	17,84%
Công ty TNHH Dầu	Khu Kinh tế Nghi Sơn	Sản xuất dầu,	30%	30%	30%	30%

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	mỡ động, thực vật				
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ⁽ⁱ⁾	Lô 6-12 Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.	-	48,65%	-	48,65%

(i) Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật là Công ty con từ tháng 06 năm 2016.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.339 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.372 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là lợi thế kinh doanh, tiền thuê đất trả trước, chi phí nạo vét duy tu cảng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (45 năm).

Chi phí nạo vét, duy tu cảng

Chi phí nạo vét, duy tu cảng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01-02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác là chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho, cầu cảng... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-46
Máy móc và thiết bị	05-25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05-20

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10-46 năm.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (40 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05-08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là nhà 16 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.882.961.985	1.930.815.056
Tiền gửi ngân hàng	248.073.821.801	122.580.825.028
Các khoản tương đương tiền	193.892.767.036	88.160.055.373
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<i>193.892.767.036</i>	<i>88.160.055.373</i>
Cộng	<u>443.849.550.822</u>	<u>212.671.695.457</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 06 tháng với giá gốc bằng giá trị sổ sách.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ⁽¹⁾	47.192.438.524	(47.192.438.524)	-	47.192.438.524	(47.192.438.524)	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ⁽²⁾	572.600.582.675	90.753.508.599	663.354.091.274	509.904.000.000	100.586.861.795	610.490.861.795
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina ⁽³⁾	67.321.827.562	15.890.054.038	83.211.881.600	67.321.827.562	13.670.685.617	80.992.513.179
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ⁽⁴⁾	-	-	-	67.829.760.000	8.970.823.486	76.800.583.486
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tấn Bình ⁽⁵⁾	21.646.946.823	32.846.410	21.679.793.233	21.646.946.823	1.223.590.262	22.870.537.085
Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ⁽⁶⁾	151.200.000.000	3.479.638.646	154.679.638.646	151.200.000.000	4.445.248.561	155.645.248.561
Cộng	<u>859.961.795.584</u>	<u>110.156.047.693</u>	<u>922.925.404.753</u>	<u>865.094.972.909</u>	<u>81.704.771.197</u>	<u>946.799.744.106</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000336 ngày 18 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Dầu ăn Golden Hope 2.792.044,6 USD tương đương 49% vốn điều lệ.
- (ii) Trong kỳ theo Nghị quyết Số 28/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 và Nghị quyết Số 30/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 Công ty mẹ thống nhất bổ sung góp vốn góp vào Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân lần lượt là 44.308.984.000 VND và 18.387.598.675 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 24% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600254869 ngày 03 tháng 02 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina 40% vốn điều lệ.
- (iv) Trong kỳ Tập đoàn đã mua thêm 192.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật với giá mua là 3.846.912.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 4.083.884 cổ phiếu, tương đương 51,05% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần bao Bì Dầu thực vật (số đầu năm là 3.891.884 cổ phiếu, tương đương 48,65% vốn điều lệ).
- (v) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình 1.593.295 cổ phiếu, tương đương 17,84% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 262022000147 ngày 10 tháng 6 năm 2013 do Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam 30% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình</i>		
Doanh thu bán hàng	242.455.778.530	303.477.836.871
Lợi nhuận được chia	1.274.636.000	1.114.938.449
Mua hàng	560.302.512	-
Mua dịch vụ gia công dầu	-	1.553.678.000
<i>Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè</i>		
Doanh thu bán hàng	3.168.532.000	-
Doanh thu dịch vụ	2.763.165.110	2.306.732.682
Mua hàng	1.248.561.000	1.759.671.500
<i>Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân</i>		
Doanh thu dịch vụ	4.526.516.200	26.927.165.760
Mua hàng	945.788.000	-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	56.277.877.797	32.061.482.458
Góp vốn đầu tư	62.696.582.675	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật		
Doanh thu bán hàng	51.741.200	-
Mua hàng	1.941.734.430	2.826.398.206
Cổ tức được chia	3.532.800.000	7.065.600.000
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-Vina		
Lợi nhuận được chia	13.672.191.179	4.800.000.000

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	8.009.193.082	25.329.089.884
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	33.749.096.373	11.627.814.504
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	520.628.733	190.475.297
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	-	2.677.106.872
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	5.096.298.900	4.847.811.100
Công ty TNHH MTV Ki Do	559.552.540	246.000.905
Phải thu các khách hàng khác	166.053.618.837	92.782.427.906
Công ty TNHH Dịch vụ EB	8.250.391.713	895.895.142
Liên Hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh	-	4.579.028.037
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	23.547.258.900	-
Các khách hàng khác	134.255.968.224	87.307.504.727
Cộng	213.988.388.465	137.700.726.468

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Iclick	255.000.000	255.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ DKSH	3.625.101.000	1.279.447.000
Công ty TNHH máy chiết rót và đóng gói Hòa Phát	916.000.000	343.500.000
Baid Agro Products (PVT) Ltd.,	1.491.420.587	-
Amcors Flexibles China Co. Limited	-	381.495.240
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Nhân Hòa	2.891.130.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.039.050.504	1.490.925.222
Cộng	13.217.702.091	3.750.367.462

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>47.062.470.301</i>	<i>-</i>	<i>112.372.264.116</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân - Phải thu lợi nhuận được chia	37.890.279.122	-	112.372.264.116	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG- Vina - Phải thu lợi nhuận được chia	9.172.191.179	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.102.213.201</i>	<i>1.390.000.000</i>	<i>12.282.115.203</i>	<i>1.390.000.000</i>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức	1.390.000.000	1.390.000.000	1.390.000.000	1.390.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.964.283.334	-	3.768.359.310	-
Tạm ứng	970.984.600	-	203.340.762	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	329.102.304	-	4.096.091.682	-
Thuế tự vệ được hoàn	-	-	221.178.529	-
Phải thu bảo hiểm bồi thường	-	-	1.948.192.065	-
Ký quỹ	188.280.000	-	610.280.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	259.562.963	-	44.672.855	-
Cộng	53.164.683.502	1.390.000.000	124.654.379.319	1.390.000.000

6. Nợ quá hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>5.642.232.000</i>	<i>-</i>	<i>5.642.232.000</i>	<i>-</i>
Công ty cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức					
<i>Khoản phải thu của hợp đồng mua bán nguyên liệu</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>4.252.232.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>4.252.232.000</i>
<i>Khoản phải thu khác</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>1.390.000.000</i>	<i>-</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>1.390.000.000</i>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>373.020.948</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Các khách hàng khác	<i>Từ 1 năm đến trên 3 năm</i>	373.020.948	-	-	-
Cộng		6.015.252.948	-	5.642.232.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.642.232.000	292.929.188
Trích lập dự phòng bổ sung	78.236.259	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	294.784.689	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(25.692.230)
Xóa nợ	-	(11.000.000)
Số cuối kỳ	<u>6.015.252.948</u>	<u>256.236.958</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	40.212.866.055	-
Nguyên liệu, vật liệu	535.584.151.864	(4.763.757.550)	525.754.313.385	(5.903.212.070)
Công cụ, dụng cụ	4.314.080.810	-	3.365.521.956	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	141.561.956.296	(663.939.182)	72.844.470.815	(1.485.624.970)
Thành phẩm	82.845.052.452	(4.414.453.719)	166.708.978.394	(5.175.446.671)
Hàng hóa	3.517.045.136	-	69.867.378.392	-
Hàng gửi đi bán	7.923.595	-	-	-
Cộng	<u>767.830.210.153</u>	<u>(9.842.150.451)</u>	<u>878.753.528.997</u>	<u>(12.564.283.711)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	12.564.283.711	13.430.094.180
Trích lập dự phòng bổ sung	-	20.602.777.599
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.429.332.879	-
Hoàn nhập dự phòng	(5.151.466.139)	-
Số cuối kỳ	<u>9.842.150.451</u>	<u>34.032.871.779</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.645.721.476	1.981.594.576
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.977.583.478	28.896.000
Cộng	<u>3.623.304.954</u>	<u>2.010.490.576</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	21.742.561.766	23.021.535.985
Tiền thuê đất trả trước	31.572.204.205	-
Chi phí nạo vét, duy tu Cảng	3.812.349.272	881.671.506
Công cụ dụng cụ	452.421.096	208.990.991
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.622.968.751	2.744.721.974
Cộng	<u>60.202.505.090</u>	<u>26.856.920.456</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 2 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 43.305.601.192 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V. 20a).

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.566.017.378	2.584.948.000	38.150.965.378
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.152.082.020	819.348.490	7.971.430.510
Số cuối kỳ	42.718.099.398	3.404.296.490	46.122.395.888
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.409.939.531	1.339.348.490	4.749.288.021
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.059.291.227	2.326.829.500	17.386.120.727
Khấu hao trong kỳ	627.638.961	129.059.250	756.698.211
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.249.012.212	819.348.490	2.068.360.702
Số cuối kỳ	16.935.942.400	3.275.237.240	20.211.179.640
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.506.726.151	258.118.500	20.764.844.651
Số cuối kỳ	25.782.156.998	129.059.250	25.911.216.248
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

11. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Nhà</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.178.001.042
Số cuối kỳ	2.178.001.042
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.916.640.920
Khấu hao trong kỳ	77.591.286
Số cuối kỳ	1.994.232.206
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	261.360.122
Số cuối kỳ	183.768.836

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	109.938.316.562	3.301.793.755	-	-	113.240.110.317
Xây dựng cơ bản dở dang	2.400.228.663	42.390.756.988	30.491.965.093	(5.999.231.908)	(895.097.310)	68.388.621.526
- Công trình Nhà máy Tân Uyên - tỉnh Bình Dương	-	36.838.021.951	29.461.571.743	-	-	66.299.593.694
- Chương trình phần mềm máy vi tính	-	682.160.150	1.030.393.350	-	-	1.712.553.500
- Đường ống dẫn dầu, hệ thống điện cho xưởng thành phẩm của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	980.686.417	115.326.661	-	(980.686.417)	-	115.326.661
- Các công trình khác	1.419.542.246	4.755.248.226	-	(5.018.545.491)	(895.097.310)	261.147.671
Cộng	2.400.228.663	152.329.073.550	33.793.758.848	(5.999.231.908)	(895.097.310)	181.628.731.843

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thùng carton hình thành trong tương lai với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 179.539.704.011 VND (số đầu năm là 32.763.365.498 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a, V.20b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 5.385.178.312 VND (kỳ trước là 595.473.084 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.440.016.143	3.522.312.291	(893.364.232)	4.068.964.202
Các chi phí phải trả	833.954.003	3.522.312.291	(833.954.003)	3.522.312.291
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	-	-	-	-
Khấu hao	606.062.140	-	(59.410.229)	546.651.911
Cộng	1.440.016.143	3.522.312.291	(893.364.232)	4.068.964.202

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 250.018.128.833 VND.

(i) Chi tiết lỗ tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

Năm 2011	6.205.798.777
Năm 2012	87.000.610.565
Năm 2013	43.329.712.772
Năm 2015	113.482.006.719
Cộng	250.018.128.833

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	858.788.260
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	-	858.788.260
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	122.308.009.118	258.723.016.102
Wilmar Trading Pte Ltd	47.371.152.133	29.724.386.487
Denali Trading Pte Ltd	-	134.154.893.239
Delima Oil products SDN BHD	-	37.631.898.494
Các nhà cung cấp khác	74.936.856.985	57.211.837.882
Cộng	122.308.009.118	259.581.804.362

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Jinhwan Trading Co., Ltd	1.799.407.008	-
Korea Credit and Investment company	856.651.167	-
Korea Zo-Ming General Corporation	-	1.284.209.479
Veng Seng Group Co., Ltd	2.218.419.600	2.911.747.080
Các khách hàng khác	7.443.573.234	9.461.568.626
Cộng	12.318.051.009	13.657.525.185

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 3 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.332,7 m² đất đang sử dụng tại đường Đào Tri, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức 30.240 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 2399/HĐ-GTĐ ngày 23 tháng 6 năm 2004.

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 519,6 m² đất đang sử dụng tại 21-23 Nguyễn Văn Cù, phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với mức 168.400 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 5924/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 5 tháng 10 năm 2012.

Thuế tự vệ

Theo Quyết định 8287/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 10 tháng 8 năm 2015 áp dụng mức thuế tự vệ như sau:

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 5 năm 2016 3%
- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 2%

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho công nhân viên trong Tập đoàn.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	234.996.427	786.238.388
Chi phí bán hàng phải trả	17.522.674.544	3.667.632.287
Chi phí chiết khấu phải trả	687.815.886	1.375.631.772
Chi phí lò hơi	176.831.100	763.247.340
Chi phí khác phải trả	1.904.679.938	1.328.271.081
Cộng	<u>20.526.997.895</u>	<u>7.921.020.868</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	656.248.644	-
Phải trả cổ phần hóa	262.764.887.645	262.764.887.645
Lãi phải trả do bị phạt chậm nộp tiền cổ phần hóa	47.479.257.700	-
Ứng trước cho hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu	27.787.012.800	-
Kinh phí công đoàn	1.786.357.193	1.482.986.401
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	52.998.451	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.450.650	76.578.550
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.584.535.400	4.108.300.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.491.867.730	9.209.864.110
Cộng	<u>352.832.616.213</u>	<u>277.642.616.706</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ về cho thuê nhà.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.106.941.875.589	1.006.663.490.547
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	508.598.813.617	355.404.167.115
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	212.581.301.094	188.952.911.739
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	351.469.441.687	426.111.166.457
- Vay Ngân hàng TMCP An Bình - Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	-	36.195.245.236
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	34.292.319.191	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	486.018.377	971.815.694
Cộng	<u>1.107.427.893.966</u>	<u>1.007.635.306.241</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu và bảo lãnh phát hành thư tín dụng với lãi suất trong kỳ là 4,3%-4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động với lãi suất trong kỳ là 5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh phục vụ phương án sản xuất kinh doanh với lãi suất trong kỳ là 4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C và thanh toán lương, khoản cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ Bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức L/C với lãi suất trong kỳ là 2,5%, thời hạn vay tối đa không quá 04 tháng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo giấy nhận từng lần giải ngân, thời hạn vay dưới 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.006.663.490.547	2.491.709.252.181	(2.431.626.065.224)	40.195.198.085	1.106.941.875.589
Vay dài hạn đến hạn trả	971.815.694	-	(485.797.317)	-	486.018.377
Cộng	1.007.635.306.241	2.491.709.252.181	(2.432.111.862.541)	40.195.198.085	1.107.427.893.966

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	139.076.351.455	-
Vay Công ty Cổ phần Phát triển đô thị công nghiệp số 2 ⁽ⁱⁱ⁾	13.473.554.982	13.473.554.982
Cộng	152.549.906.437	13.473.554.982

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng dự án nhà máy sản xuất bao bì giấy carton tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với lãi suất theo giấy nhận từng lần giải ngân, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất thuê (xem thuyết minh số V.7b).

Thời gian ân hạn của khoản vay này là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 12 tháng 11 năm 2014. Sau thời gian ân hạn thì Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật được chọn phương án trả nợ gốc theo quý hoặc thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

- (ii) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 liên quan đến Hợp đồng thuê đất xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II ngày 12 tháng 5 năm 1998 để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA, phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 22 tháng 11 năm 2011 và phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 15 tháng 9 năm 2015, diện tích thuê đã điều chỉnh là 29.668 m² trong thời hạn 30 năm. Khoản vay phải trả lãi suất 0%.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	139.076.351.455	-	89.600.000.000	49.476.351.455
Vay dài hạn tổ chức khác	13.959.573.359	486.018.377	4.373.060.093	9.100.494.889
Cộng	153.035.924.814	486.018.377	93.973.060.093	58.576.846.344
Số đầu năm				
Vay dài hạn tổ chức khác	14.445.370.676	971.815.694	3.887.262.776	9.586.292.206
Cộng	14.445.370.676	971.815.694	3.887.262.776	9.586.292.206

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	77.766.744.265	61.309.607.190	139.076.351.455
Vay dài hạn các tổ chức khác	13.473.554.982	-	-	13.473.554.982
Cộng	13.473.554.982	77.766.744.265	61.309.607.190	152.549.906.437

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.973.930.766	10.455.596.607	(1.376.844.993)	(7.090.894.713)	(7.893.431.878)	13.684.217.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.088.980.292	126.474.293	-	(126.474.293)	-	2.088.980.292
Cộng	19.062.911.058	10.582.070.900	(1.376.844.993)	(7.217.369.006)	(7.893.431.878)	13.157.336.081

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 4 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn Nhà nước	442.119.000.000	442.119.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	292.320.000.000	292.320.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	97.440.000.000	97.440.000.000
Cổ đông khác	386.121.000.000	386.121.000.000
Cộng	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.800.000	121.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016 như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.550.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	5.100.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.630.852.371	7.489.048.370
Trên 1 năm đến 5 năm	16.928.711.485	16.668.737.481
Trên 5 năm	31.178.363.701	31.856.480.804
Cộng	<u>55.737.927.557</u>	<u>56.014.266.655</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 519,6 m² đất tại số 21-23 đường Nguyễn Văn Cừ, phường 13, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 168.400 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2012.
- Tổng số tiền thuê 124,044 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 3.305 VND/m²/năm cho 118.425 m² và 2.645 VND/m²/năm cho 5.619 m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 46,5 năm tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2000.
- Tổng số tiền thuê 3.332,7 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 30.240 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 43 năm tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2005.
- Tập đoàn thuê đất tại trụ sở chính và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo hàng năm.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê đất số 29/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2002 ký với Công ty TNHH đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Tân Thới Hiệp và theo thông báo số 59/CV-TTH.11 ngày 07 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn phải trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng là 10.510 VND/m²/năm cho đến ngày 05 tháng 12 năm 2048.
- Hợp đồng thuê lại đất số 023/NTC2- VMP ngày 22 tháng 10 năm 2014 ký với Công ty cổ phần Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Tập đoàn phải trả tiền thuê đất và phí quản lý từ 22 tháng 10 năm 2014 đến 06 tháng 05 năm 2059 với tổng chi phí thuê là 2.340.000 USD cho cả thời hạn thuê.

23b. Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Quy cách	Số lượng	Quy cách	Số lượng
<i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công</i>				
Bao bì (nhãn, màng, nắp, chai)	Bộ	15.026	Bộ	17.350
	Cái	3.857.423	Cái	3.499.738
	Kg	1.060	Kg	578
	Thùng	1	Thùng	459
Dầu thành phẩm	Chai	165.934	Chai	142.358
Dầu nguyên liệu	Kg	171.229	Kg	1.184.709

23c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 883.321,51 USD (số đầu năm là 1.101,764,92 USD).

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bao bì Thiên Phúc Thành	46.809.476	46.809.476	Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Trung	74.342.144	74.342.144	Quá hạn thanh toán
Công ty MTV Thương mại Dịch vụ Phi Long Phát	101.045.981	101.045.981	Quá hạn thanh toán
Các khách hàng khác	158.718.328	158.718.328	Quá hạn thanh toán
Cộng	380.915.929	380.915.929	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	330.000.388.504	317.156.715.382
Doanh thu bán thành phẩm	2.210.478.142.152	2.048.737.822.955
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.895.334.283	35.776.366.109
Doanh thu khác	1.662.370.900	-
Cộng	2.556.036.235.839	2.401.670.904.446

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	94.433.668.610	41.283.214.740
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	28.624.723.000	32.573.466.000
Công ty TNHH MTV Kì Do	11.194.137.850	8.532.732.200

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	699.982.575	817.559.779
Hàng bán bị trả lại	833.228.118	548.540.968
Cộng	1.533.210.693	1.366.100.747

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	290.646.441.037	288.693.767.922
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.986.193.342.555	1.837.589.356.610
Giá vốn khác đã cung cấp	1.515.290.850	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	6.003.524.381	5.213.063.104
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.151.466.139)	20.357.695.657
Cộng	2.279.207.132.684	2.151.853.883.293

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.132.955.469	9.994.541.235
Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.000.000	57.048.508.907
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.599.727.159	1.232.716.100
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	2.016.000.000	-
Doanh thu tài chính khác	9.174.034.273	-
Cộng	26.114.716.901	68.275.766.242

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.611.028.428	16.381.526.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	880.598.939	7.945.994.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.189.360	13.527.538
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(67.759.314.000)	-
Lãi phải trả về cổ phần hóa	47.479.257.700	-
Cộng	2.227.760.427	24.341.047.773

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.337.620.278	23.028.404.190
Chi phí vật liệu, bao bì	833.464.961	620.973.736
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	305.394.360	304.774.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.106.112.652	29.129.522.220
Các chi phí khác	68.897.137.976	82.764.541.901
Cộng	126.479.730.227	135.848.216.925

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.941.688.906	27.250.872.866
Chi phí vật liệu, bao bì	1.427.012.175	1.139.323.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.025.743.121	5.696.552.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.572.144.143	8.563.448.076
Các chi phí khác	14.365.249.168	15.092.910.119
Cộng	56.331.837.513	57.743.107.030

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do bán phế liệu, phế phẩm	130.134.547	57.641.819
Thu bảo hiểm bồi thường	50.888.652	1.219.319.012
Thuế tự vệ được hoàn	-	455.289.435
Các khoản thu nhập khác	1.089.480.562	741.722.105
Cộng	1.270.503.761	2.473.972.371

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.522.312.291)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.478.590.293
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	893.364.232	59.410.229
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	293.949.161	-
Cộng	(2.334.998.898)	1.538.000.522

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	198.986.099.886	226.717.954.616
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.991.648.811)	(2.804.680.095)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(6.792.901.490)	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	184.201.549.585	223.913.274.521
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	121.800.000	121.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.512	1.838

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.008.325.256.844	1.837.575.861.575
Chi phí nhân công	105.861.291.220	85.564.548.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.217.919.712	28.939.311.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.716.497.037	48.558.136.649
Chi phí khác	86.965.743.687	97.429.022.919
Cộng	2.298.086.708.500	2.098.066.881.339

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	3.745.183.878	1.940.225.880
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	-	(51.029.354.970)
Góp vốn đầu tư bằng lợi nhuận được chia phải thu	62.696.582.675	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	324.361.200	168.361.200
Trên 1 năm đến 5 năm	430.089.740	159.475.470
Cộng	754.450.940	327.836.670

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 837.880.727 VND (cùng kỳ năm trước là 391.764.527 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc) Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 3.723.386.000 VND (cùng kỳ năm trước là 3.412.437.000 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	Cổ đông chiếm 24% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty thuộc Tập đoàn Kido
Công ty TNHH MTV Kido	Công ty thuộc Tập đoàn Kido

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn chủ yếu là mua bán nguyên liệu chế biến dầu thực vật và sản xuất dầu thực vật. Các hoạt động khác như sản xuất bao bì, gia công, dịch vụ cho thuê kho cảng, cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể nên Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng nội địa, doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể nên Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Sai sót

Tập đoàn đã điều chỉnh các sai sót như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	253	993.992.182.630	(47.192.438.524)	946.799.744.106
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	244.002.567.578	(47.192.438.524)	196.810.129.054

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.849.550.822	-	443.849.550.822
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.770.949.182	-	255.770.949.182
Phải thu khách hàng	209.363.135.517	4.625.252.948	213.988.388.465
Các khoản phải thu khác	50.938.698.902	1.390.000.000	52.328.698.902
Cộng	959.922.334.423	6.015.252.948	965.937.587.371
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.671.695.457	-	212.671.695.457
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.000.000.000	-	255.000.000.000
Phải thu khách hàng	133.448.494.468	4.252.232.000	137.700.726.468
Các khoản phải thu khác	123.196.038.557	1.390.000.000	124.586.038.557
Cộng	724.316.228.482	5.642.232.000	729.958.460.482

5a. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	122.308.009.118	-	-	122.308.009.118
Vay và nợ	1.107.427.672.906	93.973.060.093	58.576.846.344	1.259.977.800.403
Các khoản phải trả khác	371.171.319.220	-	-	371.171.319.220
Cộng	1.600.907.001.244	93.973.060.093	58.576.846.344	1.753.457.128.741
Số đầu năm				
Phải trả người bán	259.581.804.362	-	-	259.581.804.362
Vay và nợ	1.007.635.306.241	3.887.262.776	9.586.292.206	1.021.108.861.223
Các khoản phải trả khác	284.298.960.573	-	-	284.298.960.573
Cộng	1.551.516.071.176	3.887.262.776	9.586.292.206	1.564.989.626.158

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5b. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	883.321,51	-	1.080.937,00	-
Phải thu khách hàng	81.561,60	-	213.899,80	-
Vay và nợ	(641.108,49)	-	(15.024.395,82)	-
Phải trả người bán	(2.297.252,30)	-	(1.321.989,85)	(89.810,05)
Cộng	(1.973.477,68)	-	(15.051.548,87)	(89.810,05)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.892.767.036	-	88.160.055.373	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.770.949.182	-	255.000.000.000	-
Vay và nợ	(1.106.978.329.692)	(21.407,82)	(910.840.635.401)	(9.816.832,93)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(657.314.613.474)	(21.407,82)	(567.680.580.028)	(9.816.832,93)

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

5c. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn thế chấp một số tài sản cố định để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số số V.9, V.10, V.20a và V.20b).

5d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.849.550.822	-	212.671.695.457	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255.770.949.182	-	255.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	213.988.388.465	(4.625.252.948)	137.700.726.468	(4.252.232.000)
Các khoản phải thu khác	52.328.698.902	(1.390.000.000)	124.586.038.557	(1.390.000.000)
Cộng	965.937.587.371	(6.015.252.948)	729.958.460.482	(5.642.232.000)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	122.308.009.118	259.581.804.362
Vay và nợ	1.259.977.800.403	1.021.108.861.223
Các khoản phải trả khác	371.171.319.220	284.298.960.573
Cộng	1.753.457.128.741	1.564.989.626.158

Giá trị hợp lý


Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.


3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngày 06 tháng 6 năm 2016 quyết định thoái 24% vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Ngày 16 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn với Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long, theo đó Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng cổ phiếu tương ứng với 24% vốn góp vào Công ty Cổ phần Dầu Tường An với giá 277.870.128.000 VND. Đến ngày các Báo cáo tài chính này được phê chuẩn việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 1: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn trong các Công ty liên doanh, liên kết

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Chuyển thành giá trị sở hữu trong đầu tư Công ty con	Phân phối Quỹ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	-	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	610.490.861.795	18.387.598.675	90.753.508.601	(56.277.877.797)	-	-	663.354.091.274
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina	80.992.513.179	-	15.891.559.600	(13.672.191.179)	-	-	83.211.881.600
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	76.800.583.486	-	1.292.822.069	(3.532.800.000)	(72.095.257.327)	(2.465.348.228)	-
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	22.870.537.085	-	150.408.384	(1.274.636.000)	-	(66.516.236)	21.679.793.233
Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam	155.645.248.561	-	(965.609.915)	-	-	-	154.679.638.646
Cộng	946.799.744.106	18.387.598.675	107.122.688.739	(74.757.504.976)	(72.095.257.327)	(2.531.864.464)	922.925.404.753

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 2: Chi tiết tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	356.427.945.213	520.878.201.484	13.760.284.384	5.831.390.875	-	896.897.821.956
Mua trong kỳ	-	1.586.430.000	538.000.000	324.608.798	-	2.449.038.798
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.223.112.915	1.776.118.993	-	-	-	5.999.231.908
Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.220.549.607	146.518.749.973	4.592.596.367	721.303.650	1.860.415.250	174.913.614.847
Tăng khác	-	-	-	-	2.748.638.996	2.748.638.996
Số cuối kỳ	381.871.607.735	670.759.500.450	18.890.880.751	6.877.303.323	4.609.054.246	1.083.008.346.505
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.487.561.519	83.784.272.504	8.930.849.105	2.813.403.170	35.390.215	117.051.476.513
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	163.289.112.387	341.872.352.863	10.162.003.673	4.429.718.817	-	519.753.187.740
Khấu hao trong kỳ	10.912.345.470	19.072.734.065	752.806.378	265.264.130	27.863.082	31.031.013.125
Tăng do hợp nhất kinh doanh	6.014.780.467	78.563.587.936	3.263.309.537	694.350.326	788.052.401	89.324.080.667
Tăng khác	-	-	-	-	2.748.638.996	2.748.638.996
Số cuối kỳ	180.216.238.324	439.508.674.864	14.178.119.588	5.389.333.273	3.564.554.479	642.856.920.528
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	193.138.832.826	179.005.848.621	3.598.280.711	1.401.672.058	-	377.144.634.216
Số cuối kỳ	201.655.369.411	231.250.825.586	4.712.761.163	1.487.970.050	1.044.499.767	440.151.425.977
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 3: Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ				Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thuế được hoàn	Tăng do Hợp nhất kinh doanh	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	14.515.295.688	(13.986.238.976)	-	675.427.259	1.204.483.971	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	179.816.037.435	(180.223.741.665)	407.704.230	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	10.617.888.215	(10.617.888.215)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.513.154.325	15.551.231.382	9.497.519.484	(11.164.561.882)	-	1.557.153.945	4.407.370.840	15.555.336.350
Thuế thu nhập cá nhân	1.200.477.831	630.385.017	3.812.080.480	(3.579.157.970)	-	148.834.459	951.849.783	-
Thuế tài nguyên	50.000	-	300.000	(350.000)	-	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	36.888.817	(36.888.817)	-	-	-	-
Tiền thuế đất	312.428.204	-	1.075.114.131	(821.521.251)	-	-	566.021.084	-
Thuế tự vệ	-	-	31.462.685.270	(32.226.942.042)	-	-	-	764.256.772
Các loại thuế khác	-	-	142.317.501	(142.317.501)	-	-	-	-
Cộng	6.026.110.360	16.181.616.399	250.976.127.021	(252.799.608.319)	407.704.230	2.381.415.663	7.129.725.678	16.319.593.122

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 4: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.218.000.000.000	(222.284.603.416)	-	196.810.129.054	212.841.524.105	1.405.367.049.743
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	198.986.099.886	18.345.522.652	217.331.622.538
Tăng do hợp nhất kinh doanh trong kỳ này	-	(111.321.467)	-	(63.657.657.303)	61.824.567.328	(1.944.411.442)
Xử lý chênh lệch	-	-	-	(6.327.160.641)	6.327.160.641	-
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	8.717.412.236	(7.650.000.000)	-	1.067.412.236
Giảm khác	-	-	(2.576.877)	(61.321.368)	(598.483.918)	(662.382.163)
Số dư cuối kỳ này	1.218.000.000.000	(222.395.924.883)	8.714.835.359	318.100.089.628	298.740.290.808	1.621.159.290.912

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc